TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2025/QĐST-VHNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 263/2025/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông Tài Hồng L, sinh ngày 18-12-1981.

CCCD số 058081000008 cấp ngày 17-6-2022
Nơi thường trú: Ấp B, xã N, thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ hiện nay: Số G B, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1981.

CCCD số 077181006175 cấp ngày 20-7-2022
Nơi thường trú: Ấp B, xã N, thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ hiện nay: Số G B, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tài Hồng L và bà Huỳnh Thị Mỹ H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông L và bà H xác nhận có 02 con chung là cháu Tài Huỳnh Minh Q, sinh ngày 19-5-2008 và cháu T Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 25-01-2020. Cháu Q có nguyện vọng sống cùng bà H. Ông L và bà H thỏa thuận: Cháu Q và cháu Đ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung, số tiền 2.000.000 đồng/cháu/tháng.

[3]. Về tài sản chung: Ông L và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông L và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về Lệ phí Tòa án: Ông L và bà H mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tài Hồng L và bà Huỳnh Thị Mỹ H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: 02 con chung là cháu Tài Huỳnh Minh Q, sinh ngày 19-5-2008 và cháu T Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 25-01-2020 do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung, số tiền 2.000.000 (hai) triệu đồng/tháng/cháu.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực và kết thúc khi cháu Q, cháu Đ đủ 18 tuổi.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông L và bà H mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0035480 và Biên lai thu tiền số 0035477 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Như vậy, ông L và bà H đã thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11, TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- TAND thành phố HCM;
- UBND xã Ngãi Giao, TP. HCM (cũ là xã Bình Ba, huyện Châu Đức).
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê